

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
1	3907	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Điệp Hương Giang	25/09/2001	Nữ	Quảng Ninh	2	01	C00	7.40	7.80	8.40	23.60
2	3552	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoàng Thanh Lan	29/03/2001	Nữ	Hà Nội	2		C00	7.50	9.00	9.00	25.50
3	3690	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Lê Bích Phụng	31/10/2000	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	9.20	8.60	8.10	25.90
4	3501	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Vũ Đăng Thành	31/12/2001	Nam	Thanh Hoá	2		C00	7.80	8.70	9.00	25.50
5	3653	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Hà Phương Thảo	28/08/2000	Nữ	Tuyên Quang	1	01	C00	8.50	8.00	7.70	24.20
6	3544	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Hoàng Thị Thiết	03/07/2000	Nữ	Bắc Giang	2NT		C00	7.60	8.50	8.90	25.00
7	3721	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Đặng Thị Thu	28/12/2000	Nữ	Nghệ An	1		C00	8.30	9.00	9.60	26.90
8	3851	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Nguyễn Phương Uyên	10/10/2001	Nữ	Hà Nội	3		C00	8.00	8.80	9.90	26.70
9	3805	HƯỚNG DẪN DU LỊCH	Trần Thị Hải Yến	30/08/2001	Nữ	Hà Nội	2		C00	8.00	8.60	9.00	25.60
10	3623	KẾ TOÁN	Hoàng Thị Vân Anh	23/06/2001	Nữ	Nghệ An	1		D01	7.50	8.60	7.30	23.40
11	3694	KẾ TOÁN	Lê Mai Anh	21/07/2000	Nữ	Ninh Bình	2		D01	7.60	6.90	7.30	21.80
12	3736	KẾ TOÁN	Lê Phương Anh	12/08/1999	Nữ	Hà Nội	3		A00	6.60	6.30	7.10	20.00
13	3647	KẾ TOÁN	Nguyễn Ngọc Anh	16/04/2001	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	7.90	7.30	7.10	22.30
14	3438	KẾ TOÁN	Vương Thị Lan Anh	01/03/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.00	8.40	8.70	25.10
15	3419	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Bích	16/12/2000	Nữ	Hà Nội	2		A01	7.70	8.10	7.70	23.50
16	3580	KẾ TOÁN	Ngô Quý Đạt	31/07/1995	Nam	Hưng Yên	2NT		A00	5.90	6.20	7.30	19.40
17	3604	KẾ TOÁN	Đỗ Thu Hà	12/05/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.60	7.60	6.90	22.10
18	3831	KẾ TOÁN	Trần Thị Hà	19/11/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.80	6.90	6.60	20.30
19	3708	KẾ TOÁN	Lê Thị Hải	12/07/1999	Nữ	Thanh Hoá	2NT		A00	7.60	6.60	7.60	21.80
20	3745	KẾ TOÁN	Kiều Thu Hằng	30/11/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.60	7.20	7.70	22.50
21	3939	KẾ TOÁN	Phạm Thị Bích Hạnh	22/04/2001	Nữ	Sơn La	1		A00	7.70	7.10	7.60	22.40
22	3655	KẾ TOÁN	Bùi Thu Hiền	15/07/2001	Nữ	Hoà Bình	1	01	A00	8.40	8.10	8.90	25.40
23	3761	KẾ TOÁN	Nông Đức Hiếu	20/02/2001	Nam	Hà Nội	3	01	A00	6.10	7.80	8.00	21.90

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
24	3877	KẾ TOÁN	Trần Thị Hương	23/01/2001	Nữ	Thanh Hoá	1		D01	8.10	7.70	8.30	24.10
25	3726	KẾ TOÁN	Bùi Thị Huyền	20/09/1996	Nữ	Hà Nội	2		A00	6.30	6.30	6.60	19.20
26	3927	KẾ TOÁN	Ngô Thanh Lam	01/04/2001	Nữ	Nam Định	2NT		D01	7.80	7.60	7.80	23.20
27	3660	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Liên	11/04/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	6.30	6.00	6.90	19.20
28	3906	KẾ TOÁN	Nguyễn Hương Linh	15/07/2001	Nữ	Hà Giang	1		D01	6.60	7.20	7.30	21.10
29	3474	KẾ TOÁN	Nguyễn Khánh Linh	27/01/2001	Nữ	Hải Dương	2NT		A01	8.00	7.40	7.60	23.00
30	3839	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Linh	01/12/2000	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		A00	6.50	6.20	7.40	20.10
31	3538	KẾ TOÁN	Vũ Thị Linh	03/09/1999	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	7.30	7.30	6.70	21.30
32	3457	KẾ TOÁN	Nguyễn Thảo My	31/07/2001	Nữ	Hà Nội	3		A00	7.00	7.90	8.00	22.90
33	3562	KẾ TOÁN	Vũ Hoài Nam	09/09/1999	Nam	Hà Nội	3		A00	7.80	8.30	7.40	23.50
34	3502	KẾ TOÁN	Trịnh Minh Ngọc	02/10/1998	Nam	Nam Định	2NT		A01	8.40	7.20	8.20	23.80
35	3658	KẾ TOÁN	Vũ Thị Thanh Nhân	23/06/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		A00	5.30	7.00	7.20	19.50
36	3912	KẾ TOÁN	Phạm Thị Nhiên	11/06/1998	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	6.70	7.30	6.40	20.40
37	3844	KẾ TOÁN	Nguyễn Tuấn Phong	18/05/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	7.30	6.90	7.00	21.20
38	3610	KẾ TOÁN	Trịnh Thị Diễm Quỳnh	12/06/2001	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	7.50	7.60	8.00	23.10
39	3857	KẾ TOÁN	Cà Quỳnh Sơn	30/10/2001	Nam	Sơn La	1	01	D01	6.40	7.30	7.40	21.10
40	3696	KẾ TOÁN	Nguyễn Phương Thảo	30/01/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.90	7.60	7.80	23.30
41	3563	KẾ TOÁN	Lê Thị Kim Thi	26/10/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	6.50	7.80	6.30	20.60
42	3794	KẾ TOÁN	Đỗ Thị Thanh Thủy	03/04/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.10	8.00	7.00	23.10
43	3557	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Trang	30/06/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.70	7.00	9.00	23.70
44	3870	KẾ TOÁN	Nguyễn Thu Trang	10/04/2001	Nữ	Nghệ An	2NT		D01	6.90	7.50	7.10	21.50
45	3762	KẾ TOÁN	Nguyễn Thùy Trang	25/08/1999	Nữ	Hà Nội	3		A00	6.60	6.00	6.60	19.20
46	3699	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Uyên	11/02/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.20	8.30	7.80	23.30

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
47	3711	KẾ TOÁN	Nguyễn Thị Khánh Vân	03/07/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	6.50	5.80	7.30	19.60
48	3520	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Tiến Đạt	08/10/2001	Nam	Thanh Hoá	2NT	01	A00	7.40	7.50	7.30	22.20
49	3509	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Ngọc Đức	01/01/2001	Nam	Hải Dương	2NT		A00	8.30	8.30	7.80	24.40
50	3869	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Bùi Văn Hải	20/09/2000	Nam	Hoà Bình	1	01	A00	7.10	7.80	8.20	23.10
51	3514	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Trung Hiếu	30/09/2001	Nam	Hà Nội	3		A00	7.80	8.90	8.70	25.40
52	3833	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Ngô Thị Thanh Lan	07/07/2001	Nữ	Hải Dương	2NT		D01	8.50	8.10	8.00	24.60
53	3917	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Liêm	27/07/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	8.10	8.20	8.10	24.40
54	3401	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Khánh Linh	16/10/2001	Nữ	Hà Nội	3		A00	7.90	8.60	8.50	25.00
55	3680	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Hồ Thị Khánh Ly	24/05/2001	Nữ	Nghệ An	1		A00	8.20	7.90	8.00	24.10
56	3733	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Khánh Ly	06/08/2001	Nữ	Bắc Giang	1		A00	7.70	8.10	8.10	23.90
57	3842	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Hoàng Thế Nam	06/04/2000	Nam	Hà Nội	2		A01	7.40	8.30	9.10	24.80
58	3622	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	18/08/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	8.20	8.60	7.80	24.60
59	3439	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Văn Thành	17/03/2001	Nam	Nam Định	2NT		A00	8.50	7.40	8.40	24.30
60	3407	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Cần Văn Thuyết	10/04/2001	Nam	Hà Nội	2		A00	8.30	7.80	8.70	24.80
61	3798	KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN	Nguyễn Việt Tráng	13/07/2001	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.40	9.00	7.60	24.00
62	3536	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Trần Thị Ngọc Duyên	30/07/2001	Nữ	Nam Định	2NT		D01	8.50	9.50	9.20	27.20
63	3484	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Mai Hiên	13/06/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.40	8.50	9.20	26.10
64	3657	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Bùi Thu Hiền	15/07/2001	Nữ	Hoà Bình	1	01	A00	8.40	8.10	8.90	25.40
65	3685	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Hà Văn Liêm	17/01/2001	Nam	Hoà Bình	1	01	A00	7.30	8.60	7.90	23.80
66	3586	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thị Nhi	12/06/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	8.90	8.80	9.30	27.00
67	3943	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Thùy Trang	14/08/2000	Nữ	Lạng Sơn	1		A00	8.50	9.30	9.50	27.30
68	3818	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Nguyễn Xuân Tuấn	26/04/1997	Nam	Thanh Hoá	2NT		A00	9.40	8.60	8.00	26.00
69	3740	QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	Lương Thị Thu Yến	07/08/2001	Nữ	Thanh Hoá	1	01	A01	8.00	8.00	8.50	24.50

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
70	3409	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Bùi Thị Ngọc Anh	05/07/2001	Nữ	Quảng Ninh	1		D01	7.90	8.40	8.40	24.70
71	3437	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vương Thị Lan Anh	01/03/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.00	8.40	8.70	25.10
72	3768	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Ngân Hà	08/10/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	8.40	8.30	8.90	25.60
73	3748	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Hào	05/07/2000	Nữ	Nam Định	2NT		A00	8.00	8.90	9.40	26.30
74	3425	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Phương Hoa	23/06/2001	Nữ	Hà Nội	3		A00	8.10	8.80	9.40	26.30
75	3606	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Thu Hường	18/03/2001	Nữ	Nam Định	2NT		A00	8.20	8.60	8.90	25.70
76	3534	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đoàn Thị Huyền	24/09/2001	Nữ	Nam Định	2NT		A01	8.10	9.20	9.40	26.70
77	3530	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Thanh Loan	06/10/2001	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	8.50	8.40	8.80	25.70
78	3837	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Vũ Thị Ngọc Mai	18/12/2001	Nữ	Bắc Ninh	2NT		A00	9.00	8.30	8.80	26.10
79	3602	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Ngọc Minh	10/08/2001	Nữ	Hà Nội	1		D01	8.30	8.30	8.10	24.70
80	3630	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Đào Thị Ngân	03/12/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.90	8.50	7.60	25.00
81	3894	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Hồng Nhạn	02/10/2001	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	7.70	7.90	8.70	24.30
82	3576	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Lê Hồng Minh Nhật	25/08/2001	Nữ	Hà Nội	3		D01	9.40	7.90	9.00	26.30
83	3823	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thị Oanh	16/10/2001	Nữ	Thanh Hoá	1		D01	7.60	9.00	8.10	24.70
84	3436	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Hoàng Hương Quỳnh	09/01/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.70	8.50	9.40	26.60
85	3850	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Phạm Thái Sơn	29/11/1999	Nam	Hà Nội	3		A01	8.90	9.40	9.20	27.50
86	3426	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Duy Thông	05/12/2000	Nam	Sơn La	1		D01	8.70	7.60	8.40	24.70
87	3926	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Trần Thị Hà Trang	17/07/2001	Nữ	Hưng Yên	2NT		D01	8.90	8.10	8.80	25.80
88	3434	QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN	Nguyễn Thế Vương	22/12/1999	Nam	Nam Định	2NT		A01	8.30	8.80	8.60	25.70
89	3747	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Cao Kiều Anh	11/08/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.40	8.30	8.10	23.80
90	3435	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đặng Ngọc Anh	16/01/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	7.20	7.10	8.20	22.50
91	3631	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Văn Anh	19/12/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.90	7.50	7.50	22.90
92	3735	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Phương Anh	12/08/1999	Nữ	Hà Nội	3		A00	6.60	6.30	7.10	20.00

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
93	3561	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Thị Phương Anh	20/11/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.70	7.40	9.00	23.10
94	3799	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Tuấn Anh	29/09/2000	Nam	Hà Nam	2NT		A00	6.40	6.30	6.50	19.20
95	3782	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Ngọc Phương Anh	23/12/2000	Nữ	Hà Nội	3		A00	5.90	7.50	7.50	20.90
96	3732	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Phương Anh	31/03/2001	Nữ	Nam Định	2		D01	6.30	7.40	5.60	19.30
97	3499	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Phương Anh	24/09/2000	Nữ	Hà Nội	3		A00	8.40	8.30	8.80	25.50
98	3462	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Vân Anh	17/08/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.80	7.80	6.80	23.40
99	3804	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Trung Anh	12/02/2000	Nam	Hà Nội	3		D01	7.00	5.70	6.80	19.50
100	3506	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Lan Anh	14/12/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	6.60	7.50	8.30	22.40
101	3505	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Phương Anh	14/12/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	7.10	7.60	8.30	23.00
102	3944	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trịnh Đức Anh	17/08/2000	Nam	Thanh Hoá	2NT		A00	7.70	8.40	7.80	23.90
103	3757	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vi Thị Lan Anh	21/10/2001	Nữ	Hà Giang	1	01	A00	6.60	7.80	6.70	21.10
104	3738	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Tuấn Anh	20/07/1999	Nam	Hà Nội	3		D01	6.70	7.30	7.70	21.70
105	3613	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị ánh	05/12/2001	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	8.20	7.80	8.10	24.10
106	3476	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Ngọc Biển	05/10/2000	Nam	Hà Nam	2		A00	7.30	6.90	6.80	21.00
107	3820	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Thị Minh Châu	07/09/2001	Nữ	Tuyên Quang	1		D01	5.50	6.30	5.50	17.30
108	3666	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đào Thị Chiên	05/03/2001	Nữ	Hà Nam	2NT		D01	7.30	7.60	7.20	22.10
109	3814	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Minh Chiến	06/12/2000	Nam	Hà Nội	3		A00	8.10	7.70	7.90	23.70
110	3716	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Minh Chiến	18/07/1998	Nam	Bắc Giang	1		A00	6.50	6.40	6.50	19.40
111	3674	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Xuân Chính	13/01/1999	Nam	Thái Bình	2NT		A01	8.50	7.80	8.60	24.90
112	3767	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hà Thị Cúc	19/08/2001	Nữ	Sơn La	1	01	D01	6.60	6.70	7.10	20.40
113	3554	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Cúc	10/03/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		D01	6.30	6.80	5.70	18.80
114	3803	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Trọng Cường	07/11/1999	Nam	Hà Nội	3		A01	7.00	7.30	7.50	21.80
115	3489	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Hải Đăng	05/06/2001	Nam	Gia Lai	1		A01	8.50	7.60	5.70	21.80

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
116	3892	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Quang	Đạo	22/05/2000	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.80	7.20	7.00	22.00
117	3664	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lương Tiến	Đạt	15/01/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	6.20	7.50	5.80	19.50
118	3440	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	25/02/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.10	6.80	7.60	20.50
119	3889	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Thị	Dịu	12/09/2001	Nữ	Lào Cai	1		A00	6.60	8.30	8.60	23.50
120	3417	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Thuỳ	Dung	27/08/2001	Nữ	Yên Bái	1		A00	6.20	7.70	7.20	21.10
121	3835	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Thùy	Dung	05/05/2001	Nữ	Vĩnh Phúc	2NT		A00	6.70	7.60	7.20	21.50
122	3569	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Hưng	Dương	11/11/2001	Nam	Hà Nội	2		A00	7.70	7.40	7.60	22.70
123	3822	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Tuấn	Dương	05/12/2000	Nam	Hà Nội	1		A00	8.30	8.20	9.40	25.90
124	3829	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Phương	Duy	17/03/2001	Nam	Hoà Bình	1	01	A00	7.50	8.70	8.00	24.20
125	3809	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Khánh	Duy	13/12/2001	Nam	Yên Bái	1		A00	5.80	7.10	6.70	19.60
126	3759	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	03/09/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	7.30	7.60	21.90
127	3756	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Xuân	Hiền	05/01/1998	Nữ	Hà Nội	3		A00	8.00	8.20	8.50	24.70
128	3796	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hoàng Thu	Hiền	12/12/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.60	7.80	7.70	23.10
129	3472	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Thuý	Hiền	26/12/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.10	6.00	6.00	19.10
130	3902	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị	Hiền	23/10/2001	Nữ	Ninh Bình	2NT		D01	6.40	6.90	6.90	20.20
131	3421	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	An Xuân	Hiệp	31/01/2001	Nam	Quảng Ninh	2		A00	7.00	7.60	7.50	22.10
132	3706	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Minh	Hiếu	27/09/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	6.90	6.40	7.00	20.30
133	3701	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Minh	Hiếu	15/07/2000	Nam	Hà Nội	2		D01	6.90	6.10	7.10	20.10
134	3730	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phan Trung	Hiếu	07/03/2001	Nam	Thái Bình	2NT		A00	7.40	7.60	7.40	22.40
135	3834	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Như Việt	Hoàng	29/08/2000	Nam	Thái Bình	2NT		A00	6.20	7.90	8.10	22.20
136	3848	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Việt	Hoàng	07/10/1998	Nam	Nam Định	2		D01	6.60	6.40	7.60	20.60
137	3830	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Võ Minh	Hoàng	17/07/2001	Nam	Hoà Bình	1		A00	9.40	9.20	8.30	26.90
138	3776	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hồ Thị	Hương	06/05/2000	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.90	8.30	8.70	24.90

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
139	3725	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Dương Quỳnh Hương	18/11/2000	Nữ	Hà Nội	3		D01	7.40	8.10	7.10	22.60
140	3523	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Lan Hương	05/03/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	5.00	7.60	6.30	18.90
141	3609	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Thị Mai Hương	12/02/2001	Nữ	Nam Định	2NT		A01	6.10	8.40	7.30	21.80
142	3739	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Quang Huy	24/04/1999	Nam	Hung Yên	2NT		A01	6.90	7.60	7.90	22.40
143	3918	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Thị Huyền	22/12/2001	Nữ	Sơn La	1		A00	7.50	8.10	7.90	23.50
144	3810	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Trọng Khánh	01/08/2001	Nam	Sơn La	1		D01	8.50	7.50	8.50	24.50
145	3813	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Thị Minh Khoa	06/08/1997	Nữ	Phú Thọ	1		D01	5.30	6.20	6.20	17.70
146	3746	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Thị Khuyên	23/06/2000	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	5.90	6.80	6.90	19.60
147	3754	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thanh Lam	16/02/2001	Nữ	Hà Nội	3		A00	7.10	7.20	7.90	22.20
148	3548	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Hương Lan	25/06/2001	Nữ	Hà Nam	3		A00	7.20	6.70	7.80	21.70
149	3838	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Diệu Linh	20/11/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	6.40	7.10	6.50	20.00
150	3471	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Đức Long	13/04/1999	Nam	Hà Nội	3		A00	6.00	7.70	7.50	21.20
151	3640	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Hoàng Long	20/03/2000	Nam	Lai Châu	1		A00	6.00	5.90	6.00	17.90
152	3617	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Khánh Ly	30/07/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	8.00	7.00	7.80	22.80
153	3788	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phí Thị Tuyết Mai	01/02/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.50	8.10	8.50	24.10
154	3553	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Mến	21/05/2001	Nữ	Hà Nội	3		D01	8.50	8.30	8.30	25.10
155	3793	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Chu Tuấn Minh	18/06/1998	Nam	Hà Nội	3		A00	6.80	8.20	6.20	21.20
156	3549	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Quyền Bình Minh	14/10/2000	Nam	Ninh Bình	2NT		A00	5.90	5.80	6.50	18.20
157	3452	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hoàng Thu My	14/08/1998	Nữ	Phú Thọ	1		D01	6.40	6.20	5.00	17.60
158	3883	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Thị Thanh Nga	06/07/2001	Nữ	Nam Định	2NT		D01	6.60	8.10	7.20	21.90
159	3710	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Hồng Nga	02/01/1998	Nữ	Hà Nội	3		D01	5.90	7.60	6.40	19.90
160	3792	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lưu Minh Nghĩa	12/04/1997	Nam	Hà Nội	3		A00	5.20	6.70	6.30	18.20
161	3575	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đinh Thị Nhàn	09/08/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.40	7.80	7.60	22.80

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
162	3895	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Hồng Nhận	02/10/2001	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	7.70	7.90	8.70	24.30
163	3639	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Văn Nhất	01/08/2001	Nam	Thanh Hoá	2NT		A00	7.30	7.10	6.50	20.90
164	3840	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Tạ Thị Chi Vi Nhi	10/08/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.20	8.10	8.50	23.80
165	3900	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Thị Hồng Nhung	07/10/2001	Nữ	Hải Dương	2		A00	6.80	8.10	7.70	22.60
166	3508	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đào Văn Phong	15/09/2001	Nam	Thái Bình	2NT		A00	7.00	7.00	7.60	21.60
167	3729	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Văn Quang	27/01/2001	Nam	Thái Bình	2NT		A00	6.30	7.50	6.80	20.60
168	3920	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Đình Quang	04/01/2001	Nam	Nam Định	2NT		A00	7.60	8.00	7.70	23.30
169	3841	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Trần Văn Quang	13/07/2001	Nam	Hà Nam	2		A00	7.30	8.50	8.40	24.20
170	3497	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lâm Thị Ngọc Quỳnh	08/03/2001	Nữ	Hưng Yên	2		D01	7.80	8.60	7.70	24.10
171	3645	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Lê Thị Tú Quỳnh	28/07/2001	Nữ	Hà Nội	2		D01	7.00	8.10	7.70	22.80
172	3463	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Văn Thắng	28/02/2001	Nam	Hoà Bình	1		D01	6.30	6.90	7.70	20.90
173	3450	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Tạ Văn Thắng	02/02/2001	Nam	Hà Nội	2		A00	6.30	6.70	7.10	20.10
174	3800	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Văn Thắng	06/12/2001	Nam	Thanh Hoá	2NT		A01	8.20	7.80	7.90	23.90
175	3802	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Hoàng Văn Thành	16/12/2000	Nam	Thanh Hoá	2NT		D01	7.00	6.80	7.10	20.90
176	3688	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Tiến Thành	22/12/2001	Nam	Hà Nội	1		D01	5.90	6.20	7.10	19.20
177	3603	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đỗ Phương Thảo	10/10/2001	Nữ	Hà Nội	3		D01	5.40	5.80	7.00	18.20
178	3812	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Dương Thị Thảo	22/02/2000	Nữ	Bắc Ninh	2NT		A01	8.90	8.40	7.60	24.90
179	3671	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Thị Hương Thảo	21/12/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		A00	7.20	7.30	7.20	21.70
180	3475	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vũ Thị Minh Thư	17/08/2001	Nữ	Nam Định	2NT		A00	5.90	7.30	7.50	20.70
181	3539	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Cao Văn Thuấn	06/03/1998	Nam	Nam Định	2NT		A00	8.70	8.60	8.50	25.80
182	3806	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Thị Hồng Thúy	13/10/2001	Nữ	Hà Nội	3		D01	5.20	6.50	6.00	17.70
183	3811	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Thu Thúy	02/12/2001	Nữ	Thái Nguyên	2	01	A00	6.70	7.40	7.20	21.30
184	3785	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Ngọc Toàn	20/09/2001	Nam	Hà Nội	3		D01	5.90	5.40	8.20	19.50

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
185	3616	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thu Trang	20/10/2001	Nữ	Hà Nội	3		A01	6.00	8.00	8.30	22.30
186	3447	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phí Thị Trang	12/01/2001	Nữ	Hà Nội	2		A00	7.20	7.50	7.50	22.20
187	3415	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Quảng Thu Trang	21/09/2001	Nữ	Yên Bái	1		A00	5.50	7.00	6.90	19.40
188	3797	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Việt Tráng	13/07/2001	Nam	Thái Bình	2NT		D01	7.40	9.00	7.60	24.00
189	3849	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Vạn Triệu	27/11/1999	Nam	Hà Nội	2		A00	6.30	6.50	7.00	19.80
190	3584	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Kiều Nguyễn Trung	01/09/2001	Nam	Hà Nội	3		A00	6.80	8.70	8.00	23.50
191	3454	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Đức Tuấn	27/10/2001	Nam	Hà Giang	1	01	D01	6.20	6.50	6.70	19.40
192	3753	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Đào Cao Duy Tùng	28/08/2000	Nam	Thái Bình	2NT		A00	8.60	8.30	7.90	24.80
193	3615	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Văn Tùng	19/05/2001	Nam	Bắc Giang	1		A00	5.90	6.80	7.40	20.10
194	3741	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Phạm Văn Tường	11/11/2001	Nam	Thái Bình	2NT		D01	6.20	7.20	7.70	21.10
195	3611	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Nguyễn Thị Thảo Uyên	25/01/2001	Nữ	Thanh Hoá	2NT		D01	6.70	7.50	6.80	21.00
196	3795	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vương Duy Vinh	23/07/2001	Nam	Hà Nội	3		A01	7.10	7.10	9.10	23.30
197	3511	QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG	Vương Cao Hải Yến	14/07/2001	Nữ	Hung Yên	2NT		A00	8.00	8.30	8.60	24.90
198	3821	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	30/01/2000	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	8.10	8.20	8.70	25.00
199	3556	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Vũ Thị Phương Lan	18/07/2001	Nữ	Nam Định	2NT		A01	7.70	8.80	9.40	25.90
200	3531	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Vũ Thị Thanh Loan	06/10/2001	Nữ	Hung Yên	2NT		D01	8.50	8.40	8.80	25.70
201	3403	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Đàm Thị Thuý Nga	19/02/2001	Nữ	Hà Nội	1	01	D01	7.50	6.80	8.20	22.50
202	3922	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Nguyễn Thị Hồng Nhung	14/06/2001	Nữ	Hung Yên	2NT		A01	8.80	8.60	8.40	25.80
203	3702	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN, NHÀ HÀNG	Bùi Thị Yến	25/07/2000	Nữ	Hà Nội	2		D01	9.60	8.60	8.50	26.70
204	3693	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Vũ Thị Kim Anh	29/10/2001	Nữ	Quảng Ninh	1		D01	8.40	8.10	8.20	24.70
205	3885	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Trần Đình Chiến	01/04/1997	Nam	Lạng Sơn	1	01	A01	7.80	8.00	7.20	23.00
206	3903	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Đỗ Thị Ngọc Diệu	13/01/2001	Nữ	Thái Bình	2NT	06	D01	8.00	8.40	8.10	24.50
207	3656	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Bùi Thu Hiền	15/07/2001	Nữ	Hoà Bình	1	01	D01	8.40	8.80	8.20	25.40

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN HỆ CAO ĐẲNG ĐỢT 2 NĂM 2019**Hình thức xét tuyển: Học bạ lớp 12**

Stt	Mã HS	Ngành	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Hộ khẩu	KV	Đtg	Khối XT	Điểm M1	Điểm M2	Điểm M3	Tổng
208	3587	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Nguyễn Thị Nhi	12/06/2001	Nữ	Hà Nội	2		A01	8.90	8.80	8.20	25.90
209	3784	TIẾNG ANH - QUẢN TRỊ LỮ HÀNH, HƯỚNG DẪN	Hoàng Thị Thu	11/10/2001	Nữ	Thái Bình	2NT		D01	8.30	8.70	8.00	25.00